

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo quyết định số: 3905/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải)*

Tên chương trình: **Khai thác vận tải đường sắt  
(Railway Transport Exploitation)**  
Trình độ đào tạo: **Đại học**  
Ngành đào tạo: **Khai thác vận tải**  
Mã ngành: **52840101**  
Loại hình đào tạo: **Chính quy**

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo Đại học Chính quy Khai thác vận tải đường sắt nhằm trang bị cho người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở, kỹ thuật chuyên môn toàn diện, năng lực thực hành nghề nghiệp cơ bản, khả năng thích ứng với những biến đổi trong lĩnh vực khai thác vận tải đường sắt; có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

##### **1.2.1. Kiến thức**

- Nắm vững các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh để nhận thức được đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách phát triển kinh tế - xã hội, Quốc phòng - An ninh, rèn luyện thể lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- Có kiến thức khoa học cơ bản và cơ sở cần thiết để tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;
- Có kiến thức chuyên môn toàn diện về quản lý sản xuất và công nghệ vận tải đường sắt để phân tích, tổng hợp và tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh vận tải của doanh nghiệp vận tải đường sắt;
- Có khả năng nghiên cứu, tư duy khoa học để giải quyết các vấn đề của thực tiễn đặt ra liên quan đến ngành học;
- Có trình độ tin học, ngoại ngữ để khai thác, nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực Khai thác vận tải đường sắt.

##### **1.2.2. Kỹ năng**

- Lập kế hoạch tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh vận tải cho các đơn vị thuộc doanh nghiệp vận tải đường sắt;
- Tổ chức thực hiện và điều hành quá trình công nghệ vận tải trên các tuyến đường sắt;

- Xử lý các tình huống trong quá trình công nghệ vận tải, tổ chức vận tải hàng hóa và hành khách;
- Phân tích, tổng hợp các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vận tải đường sắt;
- Xây dựng các dự án đầu tư cải tạo thiết bị, phương tiện vận tải đường sắt;
- Rèn luyện đức tính cẩn thận, chính xác trong lĩnh vực nghề nghiệp; phương pháp làm việc khoa học, chuyên nghiệp; khả năng trình bày, khả năng giao tiếp và làm việc hiệu quả theo nhóm, hội nhập được với môi trường quốc tế trong hoạt động kinh doanh vận tải;
- Sử dụng tiếng Anh, công nghệ thông tin, các phần mềm chuyên ngành vào quá trình tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vận tải đường sắt.

### 1.2.3. Thái độ

- Ý thức được tầm quan trọng của lĩnh vực vận tải đường sắt đối với phát triển kinh tế - xã hội; Quốc phòng - An ninh; rèn luyện thể lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- Ý thức được vai trò và trách nhiệm của bản thân trong việc chấp hành pháp luật, đóng góp cho ngành giao thông vận tải và sự phát triển của đất nước;
- Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, trau dồi kiến thức, khả năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin để tự học suốt đời.

### 1.2.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các đơn vị kinh doanh vận tải đường sắt, trung tâm điều hành giao thông vận tải đường sắt; khu đầu mối giao thông, công ty dịch vụ giao nhận vận tải, các phòng ban chuyên môn thuộc đơn vị quản lý về giao thông vận tải đường sắt, giảng dạy và nghiên cứu về lĩnh vực vận tải đường sắt tại các trường Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề...

### 1.2.5. Trình độ ngoại ngữ

Có trình độ tiếng Anh tương đương 400 điểm TOEIC

**2. Thời gian đào tạo:** 4 năm

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 144 tín chỉ, hai học phần bắt buộc là Giáo dục thể chất (5 đvht) và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (8 TC) sẽ được cấp chứng chỉ riêng.

Lượng tín chỉ phân bổ cho các khối kiến thức được trình bày trong bảng sau:

STT	KHỐI KIẾN THỨC	BẮT BUỘC	TỰ CHỌN	TỔNG
<b>1</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>30</b>	<b>4</b>	<b>34</b>
<b>2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>102</b>	<b>8</b>	<b>110</b>
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	31	4	35
2.2	Kiến thức ngành	48	4	52
2.3	Thực hành, thực tập nghề nghiệp	11		11
2.4	Thực tập tốt nghiệp	4		4
2.5	Đồ án tốt nghiệp	8		8
	<b>Tổng cộng</b>	<b>132</b>	<b>12</b>	<b>144</b>

#### 4. Đối tượng đào tạo

Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

#### 5. Điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp

\* Điều kiện nhập học: Theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

\* Điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục - Đào tạo).

#### 6. Thang điểm

\* Thang điểm 10: được sử dụng cho các điểm thành phần của một học phần. Các bảng ghi điểm thành phần (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ, điểm bài thí nghiệm ...) sử dụng thang điểm 10.

\* Thang điểm 4: là thang điểm chính thức, trong đó điểm chữ (A, B+, B, C+, C, D+, D, F) được sử dụng cho điểm tổng kết học phần quy đổi từ thang điểm 10, điểm số (4-0) được sử dụng cho tính điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy.

Điểm tốt nghiệp là điểm trung bình chung tích lũy các học phần (trừ 02 học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh cấp chứng chỉ).

#### 7. Nội dung chương trình

##### 7.1. Tên và khối lượng các học phần

##### 7.1.1. Kiến thức Giáo dục đại cương: Tổng số 34 TC

Bao gồm 30 TC các học phần bắt buộc (không kể Giáo dục thể chất 5 đvht, Giáo dục Quốc phòng - An ninh 8 TC) và 4 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>30 TC</b>
<b>7.1.1.1</b>	<b>Lý luận chính trị</b>		<b>12 TC</b>
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	DC1LL01	2
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	DC1LL02	3
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC1LL03	2
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	DC1LL04	3
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	DC1LL05	2
<b>7.1.1.2</b>	<b>Ngoại ngữ</b>		<b>8 TC</b>
6	Tiếng Anh 1	DC1CB31	4
7	Tiếng Anh 2	DC1CB32	4
<b>7.1.1.3</b>	<b>Toán, khoa học tự nhiên, tin học, công nghệ, môi trường</b>		<b>10 TC</b>
8	Toán 1	DC1CB11	4
9	Toán 2	DC1CB12	3
10	Tin học đại cương	DC1TT42	3

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
<b>7.1.1.4</b>	<b>Giáo dục thể chất (cấp chứng chỉ riêng)</b>		<b>5 đvht</b>
11	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	DC1TD01	1 đvht
12	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	DC1TD02	1 đvht
13	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	DC1TD03	1 đvht
14	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	DC1TD04	1 đvht
15	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	DC1TD05	1 đvht
<b>7.1.1.5</b>	<b>Giáo dục Quốc phòng - An ninh (cấp chứng chỉ riêng)</b>		<b>8 TC</b>
16	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	DC1QP01	3 TC
17	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	DC1QP02	2 TC
18	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	DC1QP03	3 TC
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>4 / 8 TC</b>
1	Văn hóa kinh doanh	DC2CB94	2
2	Môi trường trong giao thông vận tải	DC1CB90	2
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DC1CB99	2
4	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	DC1CB91	2

### **7.1.2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp: Tổng số 110 TC**

#### **7.1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: Tổng số 35 TC**

Bao gồm 31 TC các học phần bắt buộc và 4 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>31 TC</b>
1	Vẽ kỹ thuật	DC2CO16	3
2	Cầu đường - Thông tin tín hiệu đường sắt	DC2VS39	3
3	Cơ kỹ thuật	DC2CO24	3
4	Kinh tế học	DC2KV64	4
5	Phương tiện vận tải đường sắt	DC2VS38	2
6	Nguyên lý thông kê	DC2KV70	3
7	Định mức kinh tế kỹ thuật vận tải đường sắt	DC2VS67	3
8	Marketing vận tải	DC2VS75	3
9	Sức kéo đoàn tàu	DC2VS56	3
10	Kinh tế vận tải đường sắt	DC2VS63	4
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>4 / 8 TC</b>
1	Bảo hiểm trong giao thông vận tải	DC2CB89	2
2	Pháp luật kinh tế	DC2KV93	2
3	Lý thuyết xác suất - thống kê	DC1CB20	2
4	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	DC3QT12	2

#### **7.1.2.2. Kiến thức ngành: Tổng số 52 TC**

Bao gồm 48 TC các học phần bắt buộc và 4 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>48 TC</b>
1	Tiếng Anh 3	DC3VS33	3
2	Thiết kế ga đường sắt	DC3VS51	3
3	Pháp luật về kinh doanh vận tải đường sắt	DC3VS14	3
4	Tổ chức chạy tàu 1	DC3VS61	3
5	Đồ án Tổ chức chạy tàu 1	DC3VS59	1
6	Tổ chức chạy tàu 2	DC3VS62	4
7	Đồ án Tổ chức chạy tàu 2	DC3VS60	2
8	Tổ chức chạy tàu 3	DC3VS63	2
9	Logistics	DC3KV15	3
10	Quy trình qui phạm đường sắt	DC3VS11	3
11	Tổ chức xếp dỡ	DC3VS67	3
12	Vận tải liên vận đường sắt quốc tế	DC3VS68	3
13	Tổ chức vận tải hành khách và du lịch đường sắt	DC3VS69	2
14	Tổ chức vận tải hàng hóa đường sắt	DC3VS65	3
15	Đồ án Tổ chức vận tải hàng hóa vận tải đường sắt	DC3VS66	1
16	Kế hoạch và hạch toán vận tải đường sắt	DC3VS74	2
17	Giá thành vận tải đường sắt	DC3VS75	2
18	Phân tích hoạt động kinh doanh vận tải đường sắt	DC3VS72	3
19	Thông kê doanh nghiệp vận tải đường sắt	DC3VS77	2
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>4 / 10 TC</b>
1	Kế toán vận tải đường sắt	DC3VS71	2
2	Quản lý doanh nghiệp vận tải đường sắt	DC3VS80	2
3	Điều tra kinh tế - kỹ thuật vận tải đường sắt	DC3VS73	2
4	Chiến lược phát triển doanh nghiệp vận tải đường sắt	DC3VS78	2
5	Quản lý dự án	DC3KV77	2

7.1.2.3. Thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp (23 TC bắt buộc):

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
<b>7.1.2.3.1</b>	<b>Thực hành, thực tập nghề nghiệp</b>		<b>11 TC</b>
1	Thực tập nghiệp vụ 1	DC4VS21	5
2	Thực tập nghiệp vụ 2	DC4VS22	6
<b>7.1.2.3.2</b>	<b>Thực tập tốt nghiệp</b>		<b>4 TC</b>
3	Thực tập tốt nghiệp	DC4VS70	4
<b>7.1.2.3.3</b>	<b>Đồ án tốt nghiệp</b>		<b>8 TC</b>
4	Đồ án tốt nghiệp	DC4VS80	8

## 7.2. Khung chương trình đào tạo

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
<b>I</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>34</b>				
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>30</b>				
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	DC1LL01	2	21	18		
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	DC1LL02	3	30	30		DC1LL01
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC1LL03	2	21	18		DC1LL02
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	DC1LL04	3	30	30		DC1LL03
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	DC1LL05	2	30			
6	Tiếng Anh 1	DC1CB31	4	45	30		
7	Tiếng Anh 2	DC1CB32	4	45	30		DC1CB31
8	Toán 1	DC1CB11	4	60			
9	Toán 2	DC1CB12	3	45			
10	Tin học đại cương	DC1TT42	3	30	30		
11	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	DC1TD01	1 đvht	8	22		
12	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	DC1TD02	1 đvht	8	22		
13	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	DC1TD03	1 đvht	8	22		
14	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	DC1TD04	1 đvht	3	27		
15	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	DC1TD05	1 đvht	3	27		
16	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	DC1QP01	3	45			DC1LL04
17	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	DC1QP02	2	30			
18	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	DC1QP03	3	15	60		

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>4/8</b>				
1	Văn hóa kinh doanh	DC2CB94	2	30			
2	Môi trường trong giao thông vận tải	DC1CB90	2	30			
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DC1CB99	2	30			
4	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	DC1CB91	2	30			
<b>II</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>110</b>				
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>35</b>				
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>31</b>				
1	Vẽ kỹ thuật	DC2CO16	3	30	30		
2	Cầu đường - Thông tin tín hiệu đường sắt	DC2VS39	3	45			
3	Cơ kỹ thuật	DC2CO24	3	45			
4	Kinh tế học	DC2KV64	4	60			
5	Phương tiện vận tải đường sắt	DC2VS38	2	30			
6	Nguyên lý thống kê	DC2KV70	3	45			
7	Định mức kinh tế kỹ thuật vận tải đường sắt	DC2VS67	3	45			
8	Marketing vận tải	DC2VS75	3	45			
9	Sức kéo đoàn tàu	DC2VS56	3	45			DC2VS38
10	Kinh tế vận tải đường sắt	DC2VS63	4	60			DC2KV70
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>4/8</b>				
1	Bảo hiểm trong giao thông vận tải	DC2CB89	2	30			DC1LL01
2	Pháp luật kinh tế	DC2KV93	2	30			DC1LL05
3	Lý thuyết xác suất - thống kê	DC1CB20	2	30			
4	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	DC3QT12	2	30			
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>52</b>				
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>48</b>				
1	Tiếng Anh 3	DC3VS33	3	30	30		DC1CB32
2	Thiết kế ga đường sắt	DC3VS51	3	45			DC2VS39
3	Pháp luật về kinh doanh vận tải đường sắt	DC3VS14	3	45			

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
4	Tổ chức chạy tàu 1	DC3VS61	3	45			DC2VS39
5	Đồ án Tổ chức chạy tàu 1	DC3VS59	1			45	DC3VS61
6	Tổ chức chạy tàu 2	DC3VS62	4	60			DC3VS61
7	Đồ án Tổ chức chạy tàu 2	DC3VS60	2			90	DC3VS62
8	Tổ chức chạy tàu 3	DC3VS63	2	30			DC3VS62
9	Logistics	DC3KV15	3	45			
10	Quy trình qui phạm đường sắt	DC3VS11	3	30	30		DC2VS39
11	Tổ chức xếp dỡ	DC3VS67	3	45			DC2VS67
12	Vận tải liên vận đường sắt quốc tế	DC3VS68	3	45			DC3VS14
13	Tổ chức vận tải hành khách và du lịch đường sắt	DC3VS69	2	30			DC2VS63
14	Tổ chức vận tải hàng hóa đường sắt	DC3VS65	3	45			DC2VS63
15	Đồ án Tổ chức vận tải hàng hóa vận tải đường sắt	DC3VS66	1			45	DC3VS65
16	Kế hoạch và hạch toán vận tải đường sắt	DC3VS74	2	30			DC2VS63
17	Giá thành vận tải đường sắt	DC3VS75	2	30			DC3VS74
18	Phân tích hoạt động kinh doanh vận tải đường sắt	DC3VS72	3	45			DC3VS63
19	Thống kê doanh nghiệp vận tải đường sắt	DC3VS77	2	30			DC3VS63
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>4/10</b>				
1	Kế toán vận tải đường sắt	DC3VS71	2	15	30		DC3VS14
2	Quản lý doanh nghiệp vận tải đường sắt	DC3VS80	2	30			
3	Điều tra kinh tế - kỹ thuật vận tải đường sắt	DC3VS73	2	30			
4	Chiến lược phát triển doanh nghiệp vận tải đường sắt	DC3VS78	2	30			
5	Quản lý dự án	DC3KV77	2	30			
<b>II.3</b>	<b>Thực hành, thực tập nghề nghiệp; thực tập và đồ án tốt nghiệp</b>		<b>23</b>				
1	Thực tập nghiệp vụ 1	DC4VS21	5			225	DC3VS11
2	Thực tập nghiệp vụ 2	DC4VS22	6			270	DC3VS63
3	Thực tập tốt nghiệp	DC4VS70	4			180	DC4VS22



STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
4	Đồ án tốt nghiệp	DC4VS80	8			480	DC4VS70
	<b>Tổng cộng</b>		<b>144</b>				

### 8. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ								
			I	II	III	IV	V	VI	VII	IX	
8.1	Kiến thức giáo dục đại cương	34									
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2								
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3		3							
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					2				
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3							3		
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	2			2						
6	Tiếng Anh 1	4	4								
7	Tiếng Anh 2	4			4						
8	Toán 1	4	4								
9	Toán 2	3		3							
10	Tin học đại cương	3				3					
11	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	1 đvht	1								
12	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	1 đvht		1							
13	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	1 đvht			1						
14	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	1 đvht				1					
15	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	1 đvht					1				
16	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	3			3						
17	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	2			2						
18	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	3				3					
19	Tự chọn 1	2		2							
20	Tự chọn 2	2	2								
8.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	110									
8.2.1	Kiến thức cơ sở ngành	35									
21	Vẽ kỹ thuật	3	3								
22	Cầu đường - Thông tin tín hiệu đường sắt	3		3							

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ								
			I	II	III	IV	V	VI	VII	IX	
23	Cơ kỹ thuật	3	3								
24	Kinh tế học	4					4				
25	Phương tiện vận tải đường sắt	2		2							
26	Nguyên lý thông kê	3		3							
27	Định mức kinh tế kỹ thuật vận tải đường sắt	3		3							
28	Marketing vận tải	3		3							
29	Sức kéo đoàn tàu	3			3						
30	Kinh tế vận tải đường sắt	4			4						
31	Tự chọn 3	2						2			
32	Tự chọn 4	2						2			
8.2.2	Kiến thức ngành	52									
33	Tiếng Anh 3	3						3			
34	Thiết kế ga đường sắt	3			3						
35	Pháp luật về kinh doanh vận tải đường sắt	3				3					
36	Tổ chức chạy tàu 1	3			3						
37	Đồ án Tổ chức chạy tàu 1	1			1						
38	Tổ chức chạy tàu 2	4				4					
39	Đồ án Tổ chức chạy tàu 2	2				2					
40	Tổ chức chạy tàu 3	2						2			
41	Logistics	3						3			
42	Quy trình qui phạm đường sắt	3					3				
43	Tổ chức xếp dỡ	3				3					
44	Vận tải liên vận đường sắt quốc tế	3					3				
45	Tổ chức vận tải hành khách và du lịch đường sắt	2						2			
46	Tổ chức vận tải hàng hóa đường sắt	3							3		
47	Đồ án Tổ chức vận tải hàng hóa vận tải đường sắt	1							1		
48	Kế hoạch và hạch toán vận tải đường sắt	2				2					
49	Giá thành vận tải đường sắt	2					2				
50	Phân tích hoạt động kinh doanh vận tải đường sắt	3							3		
51	Thống kê doanh nghiệp vận tải đường sắt	2					2				
52	Tự chọn 5	2					2				
53	Tự chọn 6	2					2				
8.2.3	Thực hành, thực tập nghề nghiệp; thực tập và đồ án tốt nghiệp	23									
54	Thực tập nghiệp vụ 1	5						5			
55	Thực tập nghiệp vụ 2	6							6		
56	Thực tập tốt nghiệp	4								4	
57	Đồ án tốt nghiệp	8								8	
	Tổng cộng	144	18	22	20	17	20	19	16	12	

## **9. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

- Chương trình đào tạo Đại học Khai thác vận tải đường sắt thuộc ngành đào tạo Khai thác vận tải

- Danh mục và khối lượng các học phần đưa ra tại mục 7 gồm 2 phần:

+ Những học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

+ Những học phần tự chọn sinh viên thực hiện theo hướng dẫn của nhà trường phù hợp với ngành đào tạo để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình;

- Mỗi học phần được liệt kê ở bảng danh mục các học phần trong chương trình đào tạo (mục 7) đều phải có đề cương chi tiết học phần (kể cả các học phần tự chọn); phòng Đào tạo phối hợp với các khoa liên quan triển khai xây dựng đề cương chi tiết học phần (theo mẫu chung của Trường) trình Hiệu trưởng ký duyệt trước khi tổ chức giảng dạy.

- Trong đề cương chi tiết học phần cần nêu rõ những nội dung trọng tâm phải kiểm tra và những sách, giáo trình, tài liệu học tập và tham khảo (nêu rõ tên tài liệu, tác giả và năm xuất bản); để sinh viên có thể tự học được, cần chỉ rõ để học chương này cần phải đọc những sách, tài liệu nào, ở đâu.

- Tổ chức giảng dạy học phần, cách đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và hướng dẫn của Trường.

- Chương trình đào tạo thiết kế cho 8 học kỳ chính. Ngoài 8 học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm các học kỳ phụ vào thời gian hè để sinh viên có điều kiện học lại; học bù hoặc học vượt.

- Kế hoạch đào tạo cho các học kỳ được xây dựng trong mục 8 chỉ có tính chất định hướng (dự kiến) để sinh viên đăng ký khối lượng học tập, giảng viên cố vấn học tập cho sinh viên. Căn cứ vào khối lượng học tập sinh viên đăng ký theo từng học phần, phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa/Bộ môn biên chế lớp học trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Hàng kỳ, căn cứ tình hình thực tế và khối lượng của các học phần, phòng Đào tạo và các khoa cần điều chỉnh cho phù hợp.

Trong quá trình thực hiện chương trình, Khoa/Bộ môn thấy cần điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, báo cáo lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường trình Hiệu trưởng quyết định.

**HIỆU TRƯỞNG**

**TS. ĐỖ NGỌC VIỆN**